TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 138/2024/QĐST-VHNGĐ	

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thúy Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 134/2024/TLST-VHNGĐ ngày 13/05/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 127/QĐST-VHNGĐ ngày 14/05/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Anh V V S, sinh ngày 19/5/1988.

Hộ chiếu số: C********* do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 29/12/2016; Nơi thường trú: Thôn Y K, xã T A, huyện B V, thành phố Hà Nội; Hiện ở: D J A số 103, T T 2 chome -2-7, Thị trấn K, Quận K, tỉnh F, Nhật Bản. (*Anh S có đơn xin vắng mặt).*

- Chị N T T H, sinh ngày 08/10/1988.

Chứng minh nhân dân số: ********** cấp ngày 29/12/2015, cấp tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Nơi thường trú và hiện ở: Thôn Y K, xã T A, huyện B V, thành phố Hà Nội. (*Chị H có mặt).*

Anh V V S ủy quyền cho anh L V Đ (sinh năm 1997; Địa chỉ: 72 H S, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. (*Anh Đ có mặt).*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của anh V V S và chị N T T H cùng trình bày:

- ***Về tình cảm*:** Anh V V S và chị N T T H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện B V, thành phố Hà Nội ngày 14 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian

ngắn với nhau. Đến tháng 06 năm 2017 anh S đi nước ngoài. Do khoảng cách địa lý xa nhau khiến cho cả hai không còn quan tâm và chia sẻ với nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay anh S và chị H nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V V S và chị N T T H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung:*** Anh S và chị H có 01 con chung là cháu V T B N, sinh ngày 8/7/2015. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi cháu N trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

- ***Về tài sản chung và công nợ chung:*** Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về lệ phí giải quyết ly hôn***: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được, anh S đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh L V Đ giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và các văn bản tài liệu của anh S đều được chứng nhận tại Tổng lãnh sứ quán Việt Nam tại F, Nhật Bản ngày 26/04/2024.

Tại phiên họp: Chị N T T H có mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị; Anh V V S có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh L V Đ có mặt và đồng ý nhận sự ủy quyền của anh S là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Đ cam kết thông báo và gửi để anh S được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh V V S và chị N T T H có đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Anh V V S hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh V V S và chị N T T H do cả hai cùng tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện B V, thành phố Hà Nội ngày 14 tháng 01 năm 2015. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh S và chị H có 01 con chung là cháu V T B N (giới tính: nữ), sinh ngày 8/7/2015. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi cháu N trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị N T T H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh V V S và chị N T T H.**

2. **Về con chung**: Anh V V S và chị N T T H có 01 con chung là cháu V T B N (giới tính: nữ), sinh ngày 8/7/2015. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của anh S và chị H như sau: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V T B N cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Nhà nước có thẩm quyền thay thế. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng; Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 05 năm 2024 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Anh S có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về lệ phí**: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T T H chịu cả 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023323 ngày 13/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23/05/2024.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân xã T A, huyện a V, Hà Nội;*
- *Lưu;*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh